

Tam đạo: Tân Châu – Hùng Ngự - Chiến Sai, quá trình dịch chuyển đồn thủ từ Doanh Châu lên Tân Châu trong lịch sử

Võ Nguyên Phong(*)

Đặt vấn đề

Năm 1757, để trả ơn chúa Nguyễn đã giúp lên ngôi vua Chân Lạp, Nặc Tôn đã dâng đất Tầm Phong Long, vùng đất nằm giữa sông Tiền và sông Hậu phía thượng lưu. Kể từ đây, vùng đất này được kiểm soát hoàn toàn bởi chúa Nguyễn, cùng với sự thiết lập nền hành chính trên vùng đất mới, chúa Nguyễn cho xây dựng hệ thống đồn thủ để bảo vệ biên cương. Vùng thượng lưu sông Tiền thuộc Tân Châu kéo dài đến huyện Chợ Mới ngày nay, chúa Nguyễn cho lập Tân Châu đạo, bản doanh đặt tại Doanh Châu (cù lao Giêng ngày nay) nằm giữa sông Tiền, đặt thêm hai thủ Hùng Thắng (về sau là Hùng Ngự) bên bờ tả sông Tiền và thủ Chiến Sai bên bờ hữu sông Tiền. Đây là hệ thống đồn bảo phòng ngự bảo vệ khu vực khá lâu, đến năm 1819 vua Gia Long cho dời đạo Tân Châu lên sát biên giới là vùng đất Tân Châu ngày nay và đồng thời cũng chuyển hai thủ Chiến Sai và Hùng Ngự lên cùng. Cả ba đồn bảo mới lại được xây dựng tại khu vực biên giới là bảo Tân Châu, bảo Hùng Ngự và bảo Chiến Sai nhằm bảo vệ khu vực sông Tiền tại Tân Châu.

Trải qua thời gian sử dụng, các đồn bảo này phục vụ công tác bảo vệ vùng đất biên giới và chịu nhiều lần tấn công phá hủy của quân thù. Và theo thời gian cũng như sự suy giảm chức năng khi nền đô hộ thực dân Pháp thiết lập trên vùng đất Nam Kỳ từ sớm, hệ thống đồn bảo tại khu vực Tân Châu đã trở nên mờ nhạt và đến ngày nay hầu như hoàn toàn mất dấu vết. Với mong muốn đưa lại hệ thống phòng ngự bảo vệ trực tiếp Tân Châu đạo được thành lập từ 1757 và chuyển qua hai lần đặt vị trí, dịch chuyển từ hạ lưu (Doanh Châu) lên thượng lưu (Tân Châu), tác giả mong muốn tìm lại những vị trí từng đặt đồn bảo tại hai khu vực của Tân Châu đạo trong lịch sử.

1. Tân Châu Tam Đạo và những đồn thủ

Năm 1757, chúa Nguyễn đã cho lập Tân Châu đạo nhằm quản lý phần đất mới mà ngày nay thuộc ba huyện thị thuộc tỉnh An Giang là huyện Phú Tân, Chợ Mới và thị xã Tân Châu; ngoài ra còn có huyện Hồng Ngự của tỉnh Đồng Tháp. Theo Đại Nam thực lục, năm 1757 “*Phúc Du và Cư Trinh tâu xin dời dinh Long Hồ đến xứ Tầm Bào (nay là thôn Long Hồ, tức là tỉnh lỵ Vĩnh Long). Lại đặt đạo Đông Khẩu ở xứ Sa Đéc, đạo Tân Châu ở Tiền Giang, đạo Châu Đốc ở Hậu Giang, lấy quân dinh Long Hồ để trấn áp.*”¹ Rất có thể cũng từ năm này đến trước năm 1776, đã lập hai đồn thủ nằm hai bên bờ sông Tiền tại khu vực là thủ Chiến Sai và thủ Hùng Thắng, đều nằm gần với đồn thủ Tân Châu đạo, theo Phủ biên tạp lục: “*Các thủ ngự miền Thượng Nguyên: Thủ Phiếm Bái [Da?] quân 3 đội, mỗi đội*

¹(*) Thạc sĩ, TP Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Email: phongvn.ciscom@gmail.com

Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 1, Nxb. Giáo dục, 2007, trang 166.

3 thuyền, mỗi thuyền 40 người, tổng cộng 360 người, chiến thuyền 9 chiếc; thủ cù lao Dao Chiêu [Doanh Châu?], rạch Ông Chưởng, thủ Tân Châu, thủ Chiến Sai, thủ Hùng Thắng, cũng như thế.”². Như vậy đến năm 1776, các thủ Hùng Thắng và Chiến Sai đã có cùng với thủ Tân Châu làm thành một khu vực phòng ngự lớn tại Tân Châu đạo.

Tên Hùng Thắng về sau đổi là Hùng Ngự, thời gian đổi có lẽ từ năm 1794 đến trước 1806. Tên Hùng Thắng lần cuối được nhắc đến trong chính sử là năm 1794, theo Đại Nam thực lục: “[Tháng 9 Giáp Dần – 1794] Lại sai Cai cơ Nguyễn Đức Thành giữ đạo Tân Châu, kiêm quản hai đạo Hùng Thắng và Chiến Sai.”³. Và theo Lê Quang Định trong Hoàng Việt nhất thống địa dư chí, năm 1806 tên Hùng Ngự đã được ghi chép: “...bên bờ nam là đạo Hùng Ngự thuộc dinh Trấn Định, bờ bắc là đạo Chiến Sai thuộc dinh Vĩnh Trấn, đều do đạo Tân Châu thống quản nên mới gọi là Tam Đạo.”⁴.

Theo Trịnh Hoài Đức trong Gia Định thành thông chí (khoảng năm 1820), mô tả vị trí ba đồn thủ Tân Châu, Hùng Ngự và Chiến Sai như sau: “Đạo chính nguyên thuộc về thành lớn đặt giữa sông Dinh Châu, phía đông là đạo Chiến Sai thuộc trấn Vĩnh Thanh, phía tây là đạo Hùng Ngự thuộc trấn Định Tường hình như răng chó khiến chế nhau, để ngăn chặn chỗ hiểm yếu”⁵. Như vậy về tổng thể, xác định khu vực đặt lỵ sở Tân Châu đạo nằm trên Dinh Châu (cù lao Giêng), thủ Hùng Ngự thuộc trấn Định Tường nằm bờ tả sông Tiền và thủ Chiến Sai thuộc trấn Vĩnh Thanh nằm bờ hữu sông Tiền.

Chính xác hơn về các vị trí của lỵ sở Tân Châu đạo, thủ Chiến Sai và thủ Hùng Ngự (Thắng), theo mô tả của Lê Quang Định (1806) “[từ rạch Trà Thôn] 80 tầm, hai bên bờ nhà cửa quân dân ở liên tiếp nhau, đến đồn phân thủ đạo Chiến Sai, giữa sông là địa đầu của Doanh Châu, ở đó có đồn phân thủ đạo Tân Châu, phía bên phải của cồn này là rạch Đốc Vàng tức đồn phân thủ đạo Hùng Thắng, thuộc địa giới dinh trấn Định, cùng với phân thủ đạo Chiến Sai đều thuộc quyền quản lý của đạo Tân Châu nên mới có tên là Tam Đạo.”⁶. Qua mô tả này, xác định cụ thể khu vực có thủ Chiến Sai nằm về phía tây bắc rạch Trà Thôn, ven bờ sông Tiền và có cự ly khoảng 160 mét kể từ rạch Trà Thôn, nếu vị trí đặt đồn chưa bị xói lở thì sẽ ứng với khu vực đất trống xen lẫn nghĩa địa ven sông Tiền ngày nay. Cần khảo sát chi tiết hơn để xác định quy mô kích thước đồn này trong trường hợp còn dấu vết.

Với trường hợp vị trí thủ Hùng Ngự, cũng theo Lê Quang Định: “...đến rạch Đốc Vàng Thượng, rạch rộng 25 tầm, sâu 3 tầm 4 thước, từ cửa rạch đi 8.417 tầm là hết, ở đó có dân cư và ruộng vườn. 20 tầm, dọc bờ sông phía trước là ruộng vườn, phía sau là rừng tre và cây cỏ đến đồn phân thủ ba đạo Tân Châu, **đồn này ở nơi cửa sông**, bên bờ nam là đạo Hùng Ngự thuộc dinh Trấn Định, bờ bắc là đạo Chiến Sai thuộc dinh Vĩnh Trấn, đều do đạo Tân Châu thống quản nên mới gọi

² Lê Quý Đôn (1776), *Phủ biên tạp lục*, Nxb. Văn hóa – Thông tin, 2007, trang 248;

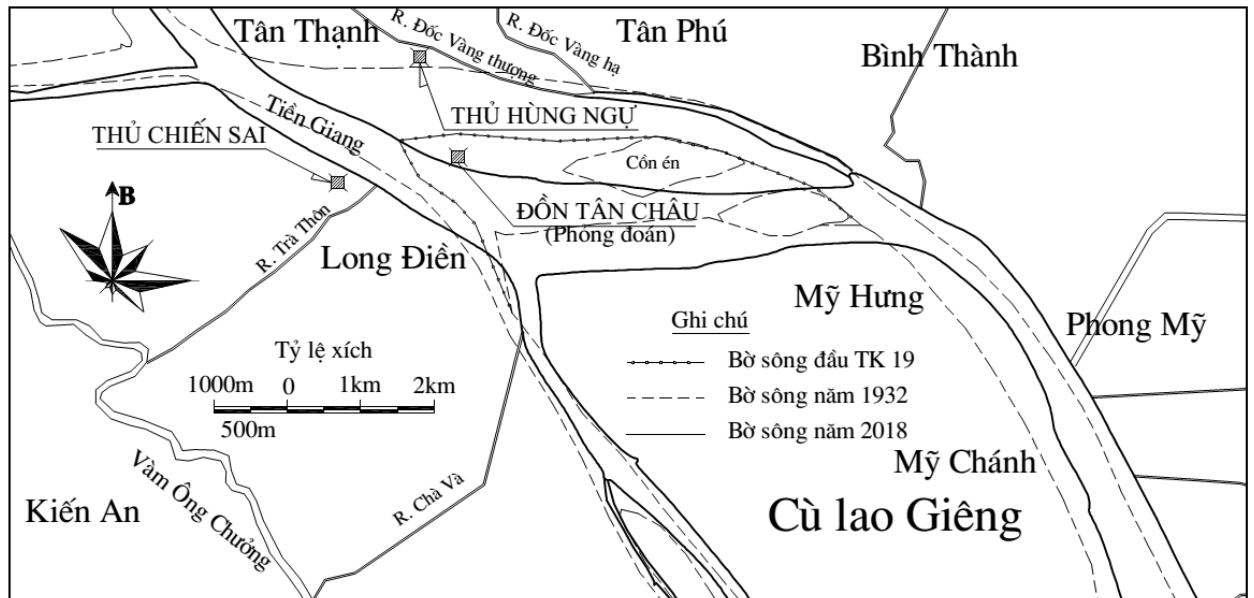
³ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 1, NXB Giáo dục, 2007, trang 312;

⁴ Lê Quang Định (1806), *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*, NXB Thuận Hóa, 2005, trang 317;

⁵ Trịnh Hoài Đức (1820), *Gia Định thành thông chí, Tập Hạ*, Nha Văn hóa, Phủ Quốc vụ khanh phụ trách văn hóa, 1972, trang 80-81;

⁶ Lê Quang Định (1806), *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*, Nxb. Thuận Hóa, 2005, trang 104;

là Tam Đạo.”⁷. Ở đây có lẽ người mô tả (không hẳn là Lê Quang Định – bởi mỗi tỉnh thành lại là một cách mô tả khác nhau về địa dư) đã nhầm về phương hướng nên gọi bờ tả sông Tiền là bờ Nam, lẽ ra phải là bờ Bắc và ngược lại. Quá trình mô tả trong đoạn trích dẫn được tính dọc theo sông Tiền nên cần xác định cửa sông tại thời điểm 1806, từ cửa sông Đốc Vàng Thượng đi dọc bờ sông Tiền chừng 40 mét thì gặp đồn thủ Hùng Ngự, có nghĩa vị trí đồn nằm sát bờ sông Tiền lúc đó.



Hình 1. Lược đồ bố trí đồn phòng thủ Tân Châu Tam Đạo vùng cù lao Giêng

Nguồn: Tác giả

Căn cứ vào việc khảo sát sự biến đổi đường bờ sông Tiền trong khu vực cù lao Giêng từ năm 1932 đến nay, xác định cửa rạch Đốc Vàng Thượng nằm tại vị trí kề bên dinh Ông Đốc Vàng – Trần Văn Năng và lệch về hạ lưu. Đây là khu vực cần khảo sát kỹ, rất có thể vị trí dinh ngày nay chính là vị trí đặt đồn thủ Hùng Ngự từ 1819 về trước. Từ kết quả phân tích dấu vết đường bờ sông Tiền tại khu vực cửa rạch Đốc Vàng vào năm 1932, bờ sông mới ngày nay được bồi đắp với bề rộng lên đến 1.400 m so bờ cũ. Phân tích xa hơn về quãng thời gian trước 1932, có lẽ đường bờ sông Tiền không có sự thay đổi lớn khi khu vực có xu thế bồi, và dấu vết khu vực bồi từ đường bờ sông tính từ 1932 về trước hầu như không rõ ràng. Bên cạnh đó khoảng cách từ cửa rạch Đốc Vàng Hạ đến Đốc Vàng Thượng theo Lê Quang Định là 658 tầm, phù hợp cự ly hai cửa rạch vào năm 1932 là 1.300 m, chênh lệch không lớn cho phép phỏng đoán vị trí thủ Hùng Ngự chỉ có thể nằm quanh vị trí Dinh Ông Đốc Vàng hoặc xa hơn một chút về thượng lưu rạch Đốc Vàng Thượng.

Với trường hợp đồn thủ đạo Tân Châu, mô tả chỉ cho biết vị trí nằm ở đầu cù lao Giêng, tương ứng với địa giới thôn Mỹ Hưng. Qua khảo cứu và phân tích cụ thể sự biến đổi đường bờ sông Tiền trong khu vực từ năm 1932 đến nay và phân tích sơ bộ thêm ở giai đoạn đầu thế kỷ XIX, rất có thể vị trí thủ sở Tân Châu đạo đã bị xói lở hoàn toàn. Căn cứ mô tả năm 1806 “[từ rạch Trà Thôn] 80 tầm, hai bên bờ nhà cửa quân dân ở liên tiếp nhau, đến đồn phân thủ đạo Chiến Sai, giữa sông là địa đầu của Doanh Châu, ở đó có đồn phân thủ đạo Tân Châu” có thể

⁷ Lê Quang Định (1806), *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*, Nxb. Thuận Hóa, 2005, trang 104;

phỏng đoán đường bờ sông đầu cù lao Giêng ở quãng thời gian đầu thế kỷ XIX nằm ngang khu vực Chợ Thủ, và vị trí đặt thủ Tân Châu đạo tại vị trí đầu cù lao hoặc lùi về hạ lưu một chút.

Năm 1819, vua Gia Long cho chuyển Tân Châu Tam Đạo từ Doanh Châu lên vùng Tân Châu, các vị trí đồn thủ cũ lại chìm vào quên lãng và chỉ còn trường hợp thủ cự Chiến Sai còn lưu dấu vết đậm nét với địa danh Chợ Thủ hoặc Kiến Sai, một biến âm của Chiến Sai tại khu vực rạch Trà Thôn ngày nay tại xã Long Điền A, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

2. Tân Châu và hệ thống phòng thủ mới

2.1. Sự biến đổi địa dư khu vực Tân Châu

Tân Châu là vùng đất địa đầu của tổ quốc phía tây nam, là ranh giới cuối cùng về phía bắc của trấn Vĩnh Thanh cách đây hơn 200 năm. Về mặt địa dư ngày nay, Tân Châu đạo xưa bao gồm phần đất ba huyện - thị xã thuộc tỉnh An Giang là thị xã Tân Châu, huyện Phú Tân và huyện Chợ Mới, đều nằm phía bờ Tây sông Tiền; và tại bờ Đông sông Tiền là huyện Hồng Ngự thuộc tỉnh Đồng Tháp. Tại thời điểm năm 1806, phần đất thuộc vùng Hồng Ngự tính từ sông Hồng Ngự (còn gọi là rạch Hiệp Ân trong lịch sử) trở về phía đông thuộc dinh Trấn Định (về sau là Định Tường), phần còn lại thuộc dinh Vĩnh Trấn (về sau là Vĩnh Thanh, rồi An Giang). Như vậy thời phong kiến thời điểm từ năm 1836 về sau, vùng địa giới huyện Đông Xuyên tỉnh An Giang bao gồm phần đất ngày nay là thị xã Tân Châu, huyện Phú Tân và Chợ Mới, đồng thời có một phần diện tích bờ đông sông Tiền, gồm các làng Thường Phước, Thường Thới, Thường Lạc và vùng các cù lao Long Sơn, Tân Dù và Chà Và (phần lớn thuộc huyện Hồng Ngự và một phần thị xã Hồng Ngự ngày nay).

Như vậy, vùng các cù lao Long Sơn, Tân Dù và Chà Và, thời phong kiến thuộc huyện Đông Xuyên tỉnh An Giang, về sau mới chuyển qua tỉnh Đồng Tháp thuộc Định Tường cũ. Trường hợp khu vực Tam Thường (Thường Phước, Thường Thới, Thường Lạc) thì ban đầu thuộc địa giới huyện Đông Xuyên, tỉnh An Giang, về sau mới chuyển qua địa giới tỉnh Đồng Tháp thuộc Định Tường cũ. Việc khu vực Tam Thường thời phong kiến thuộc tỉnh An Giang mà không thuộc tỉnh Định Tường được căn cứ vào sắc phong Tự Đức ngũ niên (1852) cấp cho thôn Thường Lạc, dịch nghĩa:

“Sắc phong cho thần Thành hoàng Bốn cảnh, trước tặng là Quảng hậu, Chính trực, Hựu thiện. Giúp nước phò dân, linh ứng tính đã lâu... Nay ta ít đức, lãnh sứ mạng lớn, liên miên nghĩ đến công ơn thần, nên gia tặng: thần là Quảng hậu, Chính trực, Hựu thiện, Đôn ngưng. Chuẩn cho thôn Thường Lạc, huyện Đông Xuyên, thờ phụng thần như cũ. Thần có trách nhiệm bảo vệ lê dân của ta. Kính vậy thay!”⁸.

Ngày 29 tháng 11 năm Tự Đức thứ năm (1852) (Ấn: Sắc mệnh chi bảo).

⁸ Nguyễn Hữu Hiếu - Nguyễn Thanh Thuận (2017), *Kỷ yếu 200 năm Vùng đất Hồng Ngự*, người dịch: Nguyễn Thanh Thuận, 2017, trang 38;



Hình 2. Sắc bốn cảnh Thành hoàng cấp cho thôn Thường Lạc ngày 29/11 năm Tự Đức thứ 5 (1852)

Như vậy vùng đất Tân Châu (huyện Đông Xuyên) trước năm 1852 bao gồm địa giới các huyện, thị xã ngày nay là thị xã Tân Châu, huyện Phú Tân, huyện Chợ Mới và huyện Hồng Ngự, nằm chủ yếu bên bờ Tây sông Tiền và một phần bờ Đông. Trong khu vực Tân Châu ngày nay, xét dọc sông từ biên giới đến đầu cù lao Tây, từ xưa đến ngày nay không có sự thay đổi lớn về mặt địa dư, trong đó sự thay đổi chủ yếu qua ba khu vực: vùng cù lao phía bờ Tây tại khu vực rạch Cái Mới mà thư tịch cổ gọi là Tân Giang, vùng cù lao Tân Dù – Chà Và thuộc làng Long Khánh và cù lao Ma. Trong đó cù lao Ma đến ngày nay hoàn toàn mất biến mất khi dịch chuyển về hạ lưu và nhập liền với phần đầu cù lao Tây để không còn tồn tại một cù lao nhỏ nằm đối ngang khúc cuối cù lao Cái Vừng. Cù lao Cái Vừng còn gọi là cù lao Long Sơn, mặt đông giáp sông Tiền, mặt tây giáp rạch Cái Vừng, có diện tích lên đến 4.776 ha và có biến động hầu như rất ít về đường bờ sông. Vùng cù lao Tân Dù – Chà Và là hai cù lao nhỏ nằm giữa sông Tiền, đối ngang rạch Hồng Ngự và cù lao Cái Vừng, hai cù lao này ngày xưa tách nhau, theo thời gian đến ngày nay đã có xu thế dính liền nhau khi dòng chảy chia cắt hai cù lao bồi cạn và kéo hai cù lao lại gần nhau. Vùng cù lao bờ Tây sông Tiền dọc rạch Cái Mới là liên tiếp các cù lao nằm giữa sông, ngăn cách với bờ Tây bởi rạch cái Mới. Theo thời gian, rạch Cái Mới có xu thế mở rộng và gây xói lở các làng nằm trên các cù lao bãi sông. Đến ngày nay rạch Cái Mới hoàn toàn biến mất và hình thành dòng chảy sông Tiền áp sát bờ Tây, chia cắt vùng cù lao bờ Tây dịch chuyển ra giữa sông, gây biến động lớn các làng trong khu vực như làng Vĩnh Hòa, làng Tân An...

Nằm ở bờ Đông sông Tiền, rạch Hiệp Ân trong lịch sử chính là rạch Hồng Ngự ngày nay. Đây là nguồn ra sông Tiền của hai con rạch lớn ở thượng lưu: rạch Sở Thượng (tên cổ là rạch Diện Hầu Thượng) chảy từ phía tây bắc về và rạch Sở Hạ (tên cổ là rạch Diện Hầu Hạ) chảy từ phía đông bắc về, cùng hợp lưu và đổ vào rạch Hiệp Ân. Theo mô tả của Lê Quang Định (1806), rạch Hiệp Ân là ranh giới cuối cùng của dinh Trấn Định (Định Tường về sau). Theo mô tả của địa bạ triều Nguyễn năm 1836, khu vực trung tâm thị xã Hồng Ngự ngày nay thuộc địa giới làng An Phong “*An Phong thôn ở xứ Như Càng: Đông giáp rừng hoang. Tây giáp*

sông lớn, rạch Hiệp Ân, rạch Diện Hầu Thượng và rạch Diện Hầu Hạ. Nam giáp rạch nhỏ và địa phân thôn Tân Thạnh. Bắc giáp rạch nhỏ và rừng hoang.”⁹.

Với vị trí chiến lược sát biên giới tại sông Tiền, cùng với Châu Đốc tại sông Hậu, Tân Châu là vùng đất địa đầu của tổ quốc, thường xuyên chịu sự xâm nhập đánh phá của các lực lượng đối phương. Sớm nhận thấy điều đó, nhà Nguyễn đã chuyển hệ thống đồn bảo từ vùng Doanh Châu lên Tân Châu vào năm 1819, đưa Tân Châu trở thành hệ thống đồn bảo lớn trấn giữ mặt sông Tiền.

2.2. Đồn thủ khu vực Tân Châu

Tiến hành khảo sát vị trí các đồn bảo đóng khu vực Tân Châu, căn cứ vào ghi chép trong các thư tịch cổ và những dấu vết còn lại đến ngày nay, xác định vị trí đồn bảo chính khu vực được chuyển lên từ Doanh Châu gồm: Tân Châu, Hùng Ngự và Chiến Sai. Thời gian dời ba đạo từ Doanh Châu lên Tân Châu căn cứ vào ghi chép của Đại Nam thực lục “[Kỷ Mão, Gia Long thứ 18 (1819), tháng Giêng] Sai trấn Vĩnh Thanh đắp hai bảo Tân Châu và Chiến Sai; lại ở thủ sở cũ Châu Đốc đắp một bảo gọi là bảo Châu Giang. Bảo đắp xong, điều động lính cơ bốn trấn hạt Gia Định, chia phiên đóng giữ. (Bảo Tân Châu 40 người, bảo Châu Giang, bảo Chiến Sai mỗi bảo 30 người). Lấy Cai cơ Võ Văn Sáng giữ bảo Tân Châu kiêm quản bảo Chiến Sai.”¹⁰.

Như vậy thời gian chuyển hai bảo Tân Châu và Chiến Sai lên vùng Tân Châu là vào năm 1819, nhưng lại không thấy nói đến bảo Hùng Ngự dời lên năm này. Theo Trịnh Hoài Đức thì bảo Hùng Ngự chuyển lên cùng thời gian với hai bảo trên nhưng chưa xây đắp đồn lũy, theo Gia Định thành thông chí (1820) “Năm Gia Long thứ 17 (1818) phụng chỉ dời đạo Tân Châu đến cù lao Long Sơn, dời đạo Chiến Sai đến trên miệng sông Hiệp Ân, dời đạo Hùng Ngự đến miệng dưới sông Hiệp Ân, tháng 12, khâm mạng Tả quân Phó tướng sung Vĩnh Thanh Trấn thủ là Nguyễn Văn Xuân đắp Tân Châu phương đồn mỗi mặt dài 15 trượng, cao 6 thước 5 tấc, chân dày 18 thước... Quy chế đồn Chiến Sai cũng phỏng theo thể thức đồn này, duy đồn Hùng Ngự ở lui phía sau chỉ để làm nơi tuần tra, chưa xây đồn bảo”¹¹. Ở đây có sự khác biệt về mốc thời gian chuyển ba đạo từ Doanh Châu lên Tân Châu với hai mốc là năm 1818 và năm 1819. Theo Trịnh Hoài Đức thì năm 1818 phụng chỉ dời ba đạo lên vùng Tân Châu, theo Quốc sử quán triều Nguyễn thì 1819 (tháng Giêng năm Kỷ Mão) đắp hai đồn Tân Châu và Chiến Sai. Có thể phỏng đoán thời điểm phụng chỉ dụ Gia Long, bắt đầu xây đắp hai đồn này vào khoảng năm 1818 và hoàn thành trong đầu năm 1819.

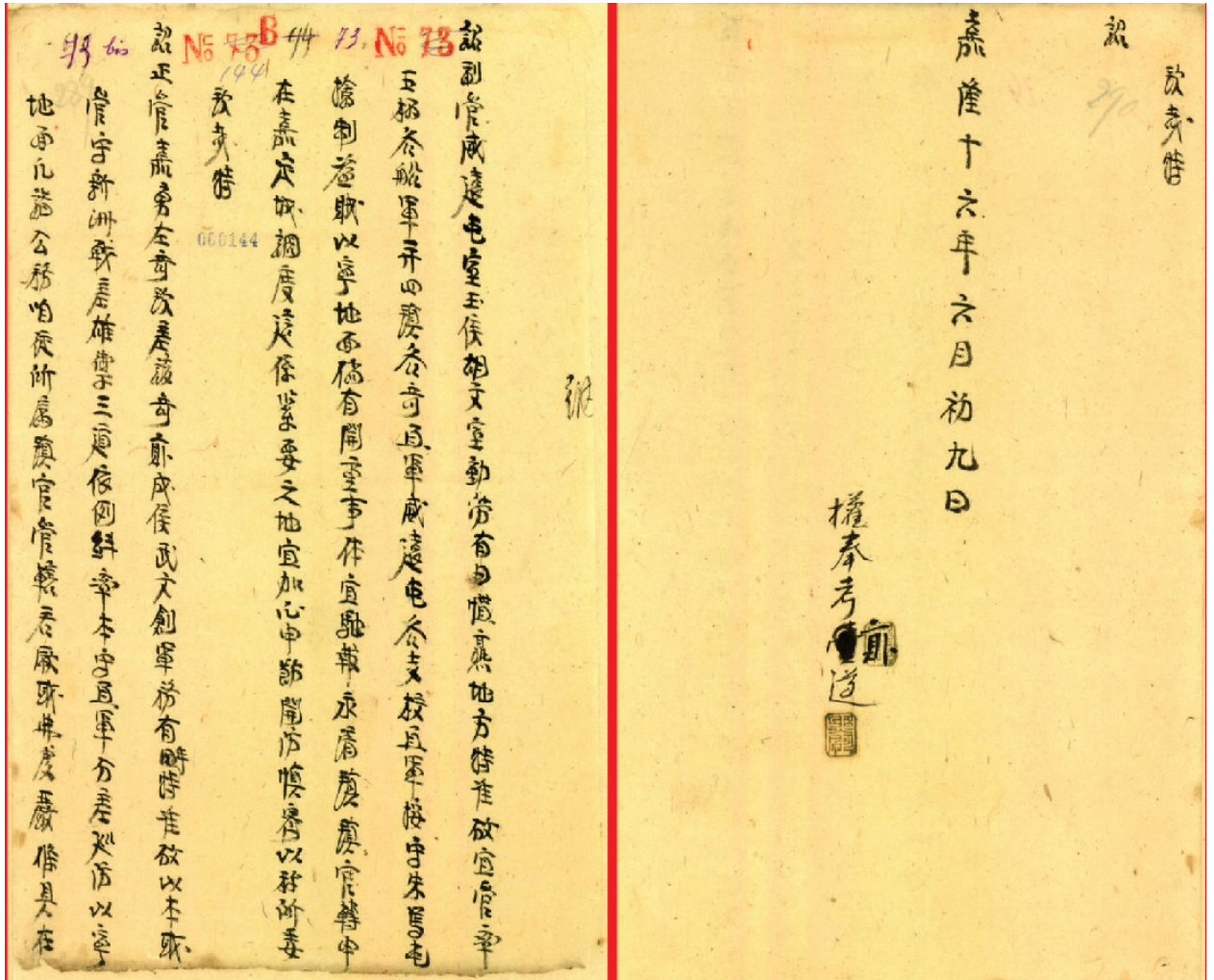
Như vậy thời điểm chuyển ba đồn thủ Tân Châu, Chiến Sai, Hùng Ngự lên vùng Tân Châu vào năm Gia Long thứ 18 (1819) và chỉ xây hai đồn là Tân Châu và Chiến Sai. Đồn Hùng Ngự phải đến một thời gian sau mới xây đắp đồn lũy. Xác định vị trí tương đối ba vị trí đồn thủ dời lên khu vực Tân Châu, căn cứ ghi chép của Trịnh Hoài Đức thì đồn Tân Châu ở cù lao Long Sơn, đạo Chiến Sai đến cửa

⁹ Nguyễn Đình Đầu, *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn – Định Tường*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1994, trang 212;

¹⁰ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 1, Nxb. Giáo dục, 2007, trang 981;

¹¹ Trịnh Hoài Đức (1820), *Gia Định thành thông chí, Tập Hạ*, Nha Văn hóa, Phủ Quốc vụ khanh phụ trách văn hóa, 1972, trang 81;

trên sông Hiệp Ân, đạo Hùng Ngự ở cửa dưới sông Hiệp Ân. Tạm xác định vị trí bảo Tân Châu tại khu vực làng Long Sơn, trấn Vĩnh Thanh thời điểm đó; bảo Chiến Sai nằm về phía tây rạch Hiệp Ân mà ngày nay là rạch Hồng Ngự, thuộc địa giới trấn Vĩnh Thanh thời điểm đó; bảo Hùng Ngự nằm phía đông rạch Hiệp Ân mà ngày nay là rạch Hồng Ngự, thuộc trấn Định Tường cùng thời điểm. Theo các học giả thì địa danh Hồng Ngự ngày nay chính là trại âm về tên gọi của Hùng Ngự.



Hình 3. Tờ chiếu ngày 9 tháng 6 năm Gia Long thứ 16 bổ nhiệm Nhị thành hầu Võ Văn Sáng quản thủ đạo Tân Châu, kiêm quản hai thủ Chiến Sai và Hùng Ngự¹²

Khảo sát chi tiết vị trí các đồn bảo và sự thay đổi về tên gọi cũng như công năng từng thời kỳ thông qua các ghi chép trong tư liệu:

Bảo Tân Châu: Căn cứ các ghi chép của Quốc sử quán triều Nguyễn và một số tư liệu khác, vị trí đồn Tân Châu được đặt bên bờ rạch Cái Vừng thuộc thôn Long Sơn ở bờ Tây sông Tiền. Xác định theo vị trí ngày nay là chùa Giồng Thành tại phường Long Sơn, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Theo Đại Nam nhất thống chí “*Bảo Tân Châu: chu vi 11 trượng 2 thước, cao 5 thước, ở huyện Đông Xuyên; đắp năm Thiệu Trị thứ 2 (1842). Bảo này nguyên trước là đạo Tân Châu, lập năm Gia Long thứ hai (1803), đặt chức Đạo thủ. Năm Minh Mạng thứ bảy (1826), đặt*

¹² Hữu Hiếu - Nguyễn Thanh Thuận (2017), *Kỷ yếu 200 năm Vùng đất Hồng Ngự*, người dịch: Nguyễn Thanh Thuận, 2017, trang 22;

thêm chức Hiệp thủ. Năm thứ mười tám (1837) đặt làm quan sở, sau đã bỏ.”¹³. Qua đây có thể biết năm 1803 đã đặt bảo Tân Châu (mà có thể chưa mang tên Tân Châu) và năm 1818-1819 xây bảo Tân Châu với kích thước mỗi cạnh dài 15 trượng; đến năm 1842 đã xây lại bảo Tân Châu với kích thước mỗi cạnh là 11 trượng 2 thước. Năm 1837 đặt làm tuần ty quan thuế của tỉnh An Giang tại bảo Tân Châu: “Đổi lại tuần ty ở sông, thuộc các tỉnh Nam Kỳ làm sở thuế quan, chia phái bộ, ty thu thuế. Bộ Hộ nói: “Sở thuế quan các tỉnh bắt đầu đặt thêm ngạch thuế chưa định.... Châu Giang, Tân Châu, Trấn Di ở An Giang; tất cả 14 sở, tiền thuế rất nhiều, xin phái mỗi nơi 1 viên chức ở Kinh hội đồng cùng với phái viên của tỉnh ngồi thu...”¹⁴. Bảo Tân Châu lần cuối cùng được nhắc đến trong Đại Nam thực lục với vai trò đồn bảo là năm 1847, rất có thể một thời gian về sau bảo bị hoang phế. Theo cụ Nguyễn Văn Kiềm trong sách Tân Châu xưa, năm 1875 tại vị trí này, chùa Giồng Thành được xây dựng chỉ với quy mô nhỏ do ông Trần Minh Lý sáng lập. Về sau chùa Giồng Thành được trùng tu đồ sộ như đã thấy ngày nay vào năm 1927. Riêng chi tiết năm 1803 đã đặt đồn thủ tại vị trí mà bảo Tân Châu chuyển đến năm 1819, rất có thể thông tin này là chưa chính xác, bởi theo mô tả chi tiết cho khu vực này của Lê Quang Định tại thời điểm 1806, hoàn toàn không có đồn bảo nào nằm tại đây. Rất có thể sau khi chiếm trọn Nam Kỳ, người Pháp xây dựng một đồn bảo khác nằm tại Tân Châu và cũng mang tên là “Fort de Tan-Chau”, tuy nhiên đồn lại nằm tại vị trí ngày nay là UBND thị xã Tân Châu hoặc quanh đó.

Một thông tin khác cần làm rõ hơn là vị trí bảo Tân Châu, mà ngày nay là chùa Giồng Thành, từng là nơi được vua Minh Mạng cho tiến hành xây dựng tỉnh thành An Giang từ năm 1833, theo Đại Nam thực lục “[*Quý Ty, Minh Mạng thứ 14 (1833)*] Vua cho rằng : “*Tỉnh An Giang là đất xung yếu, tất phải xây dựng thành trì để cho sự phòng thủ biên cương được hùng tráng. Còn đồn Châu Đốc, thế đất hẻo lánh chật hẹp, chưa được tiện lợi... Còn Long Sơn thì là đất thượng du, địa thế cao rộng lại thêm có Tiền Giang, Hậu Giang như vạt áo và đai lưng ôm thắt lấy. Thực là nơi hiểm trở hữu hình. Dẫu người còn ở ít, đường bộ hơi xa nhưng Tây - Nam đi Hà Tiên hơn 19.000 trượng, Đông - Bắc đi Nam Vang hơn 23.000 trượng, phía đông đến Vĩnh Long hơn 25.000 trượng. Dùng đó làm nơi đi lại tiếp ứng thì tình thế rất dễ dàng. Nếu đóng tỉnh thành ở đây, tướng cũng là nơi hình thắng để khống chế biên giới*”. Vua y theo lời bàn, sai bộ Công đưa bản đồ, cách thức để làm.”¹⁵. Đến tháng 3 cùng năm “*Xây dựng tỉnh thành An Giang. Tổng đốc An - Hà là Lê Đại Cương, Tuần phủ An Giang là Ngô Bá Nhân tâu nói: “Chỗ đất thành mới, bên tả gần sông dài, đằng trước, đằng sau và bên hữu đều là rừng rậm. Trước phải chặt cây phát rừng, rồi mới có thể khởi công. Và lại đằng trước và bên hữu nên đào thủy đạo để lấy đất đắp thành quách, nền hành cung, nhà kho, dinh thự và làm chỗ cho sau này nhân dân dựng nhà ở chung quanh. Nhưng công trình này khó khăn to lớn, xin mượn một phần ba dân ở 4 huyện Vĩnh An, Vĩnh Định, Đông Xuyên, Tây Xuyên thuộc bản hạt, và một phần hai dân 2*

¹³ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, tập 5, Nxb. Thuận Hóa, 2006, trang 220;

¹⁴ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 5, Nxb. Giáo dục, 2007, trang 213-214;

¹⁵ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 3, Nxb. Giáo dục, 2007, trang 75;

huyện Vĩnh Bình thuộc Vĩnh Long và Kiến Đăng thuộc Định Tường góp sức cùng làm.”¹⁶. Như vậy tại thời điểm này thành mới An Giang đang được xây dựng tại Long Sơn như đoạn mô tả trên. Đến tháng 5 “Lê Đại Cương, Tổng đốc An - Hà, tâu nói : Việc sửa đắp thành mới An Giang đã dần dần xong. Duy còn đường thủy đạo hiện đương khai đào một đoạn giáp Hậu Giang dài hơn 1.050 trượng. Nay đương mưa lũ, việc làm ruộng đang cần, vậy những dân các huyện hiện đương làm việc ở đó, hễ ngày nào xong thì xin cho họ về ngay để làm ăn. Đến như cái hào dưới chân thành và các đoạn sông đào chưa khai, xin chờ đến chính mùa đông khô ráo, hãy theo thứ tự mà làm. Và lại, nay công việc làm thành tuy mới tạm ổn, nhưng thể cục đã thành, cơ chỉ đã định. Phàm đường lối trong ngoài ra vào cùng với chợ búa phố xá đều đã dự vạch ra trước, để cho người ta biết đến đây ở, sớm thành nơi vui vẻ. Nếu lại trở về Châu Đốc, sợ rằng dân mới tụ họp sẽ lại tản mát nơi khác. Thần đã đem số tre chặt rồi rào giậu 4 mặt, tạm làm cái thành bằng tre, và tạm thời dựng nhà kho, công đường và nhà làm việc để tiện việc dọn đến ở. Còn tòa hành cung dựng ở Châu Đốc trước, thì gỗ lim còn dùng được, nên dỡ mang về Tân Thành [Châu?] để xây dựng. Lại nữa, huyện Tây Xuyên là kiêm lý của phủ Tuy Biên, chính Châu Đốc ở trong địa hạt ấy. Vậy, xin lấy đồn ấy dùng làm phủ lý để cho sự ở được hùng tráng. Vua đều nghe theo.”¹⁷. Đúng thời gian này, Lê Văn Khôi gây loạn tại thành Phiên An nên việc xây dựng tỉnh thành An Giang tại Long Sơn chậm trễ. Đặc biệt từ lúc Lê Văn Khôi đánh chiếm đồn Châu Đốc thì hầu như công việc đình trệ hẳn. Đến tháng 4 năm 1834, thành mới tại Long Sơn vẫn chưa thể xây đắp được, và vua Minh Mạng lại cho đắp thành Châu Đốc mới từ đồn Châu Đốc cũ: “Trương Minh Giảng, Tổng đốc An – Hà, và Lê Đại Cương, Tuần phủ An Giang, tâu rằng: “Thành mới An Giang chưa tiếp tục đắp được. Quan quân một tỉnh còn tạm cư trú ở Châu Đốc. Khuôn khổ thành cũ này dài quá, nên cắt bớt một đoạn cho thành hình vuông, chuẩn bị làm cái phủ thành giữ gìn biên giới sau này. (Thành cũ : rộng 60 trượng, dài hơn 140 trượng. Nay cắt chiều dài hơn 30 trượng, thì 4 mặt tiền, hậu, tả, hữu đều 60 trượng. Lại mặt tả quay ra sông lớn Châu Đốc nay đổi làm mặt trước). Hiện đã điều động hơn 1.000 dân phu làm việc và cấp cho tiền, gạo, hạn một tháng làm xong thì thôi”. Vua y cho.”¹⁸.

Như vậy việc xây đắp tỉnh thành tại Long Sơn phải tạm hoãn mãi đến tháng 11 năm 1834 mới tiếp tục được nhắc đến: “Trương Minh Giảng, Tổng đốc An – Hà, và Lê Đại Cương, Tuần phủ An Giang, tâu nói: “Công việc về thành mới và cảng mới ở tỉnh An Giang là cần phải làm, nhưng công trình cũng khó khăn trọng đại ; vậy xin đến sang xuân, biên phòng được vô sự, sẽ liệu vớt dân hạt Vĩnh Long 4.000 người, Định Tường và An Giang mỗi hạt 3.000 người, góp sức cùng làm, trong 2 tháng thì xong”. Vua dụ rằng: “Đắp thành, đào cảng, vốn là kế hay để giữ vững thành trì, dầu tốn của kho, cũng không tiếc. Nhưng biên phòng là việc cốt yếu nhất. Một phen xếp đặt phải tùy

¹⁶ Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục, tập 3, Nxb. Giáo dục, 2007, trang 503;

¹⁷ Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục, tập 3, Nxb. Giáo dục, 2007, trang 583-584;

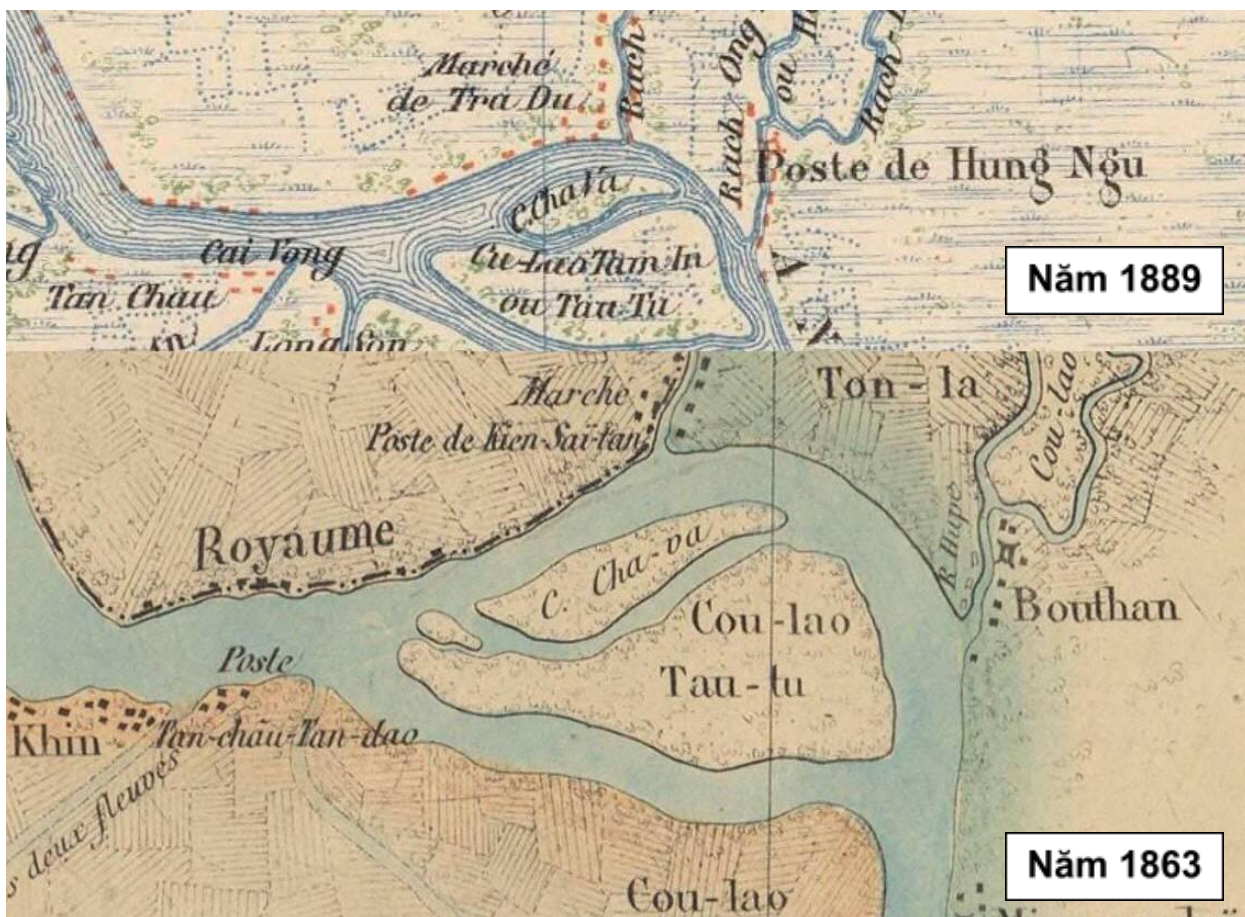
¹⁸ Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục, tập 4, Nxb. Giáo dục, 2007, trang 174;

*công việc nên trước hay nên sau, nên vội hay nên thông thả mới phải. Nay biên binh đã trú phòng ở thành Châu Đốc, mà đồn An Man và thành trì tỉnh Hà Tiên ở đâu cũng hiểm yếu, kiên cố, lại có trọng binh đóng giữ, cũng đủ nghiêm cẩn trong việc phòng bị. Còn thành mới, không phải quan trọng, khẩn cấp, việc gì phải cần thiết như thế ! Hơn nữa, mới bình được giặc Xiêm, kho tàng chưa đầy đủ, nhân dân vừa mới được yên nghỉ, há nữa đem việc không cần kíp lại bắt dân phải lao lực nữa sao ? Bọn người nên để ý vào việc biên phòng, để cho bờ cõi được hùng mạnh, còn việc kia thông thả hãy bàn mới được !”¹⁹. Và 1 năm sau, đến tháng 11 năm 1835, vua Minh Mạng chính thức chỉ dụ việc dừng xây thành An Giang tại Long Sơn: “*Vua dụ rằng : “Thôn Long Sơn ở về đất thượng du, hình thế cao ráo sáng sủa, thêm vào đó, lại có 2 con sông Tiền Giang và Hậu Giang bao bọc, thực là nơi danh thắng, vẫn đành nên làm thành ở đấy, nhưng nay quan quân đóng giữ ở Trấn Tây thì chỗ ấy trở thành nơi nội địa lại chẳng cần thiết trước mắt nữa. Thành trì Châu Đốc hiện thành cơ sở rồi, thì đóng ở đấy cũng đủ giúp cho việc phòng ngự. Còn việc làm kho tàng, chuẩn cho làm như lời đã xin.”²⁰.**

Khảo sát chi tiết cho khu vực, dấu vết về ngôi thành này đến ngày nay chỉ còn lại dấu vết 2 hào thành phía tây và phía nam, tổng chiều dài khoảng 1.340 m, rộng khoảng từ 20-30 m và vuông góc với nhau, giờ đã thành ruộng lúa. Vị trí chùa Giồng Thành ngày nay nằm giữa khu đất nền nổi hai cạnh còn lại theo nguyên tắc đối xứng và lệch về phía đông, tức về phía bờ rạch Cái Vừng. Theo những thông tin từ Đại Nam thực lục thì Lê Đại Cương đã dùng tre rào giậu tạm làm thành bằng tre, tạm thời dựng nhà kho, công đường và nhà làm việc, duy chỉ chưa dựng tòa hành cung bởi chỉ mới dự kiến mang tòa hành cung từ đồn Châu Đốc về dựng tại đây. Và khi vua Minh Mạng quyết định dừng việc xây dựng thành mới tại đây vào tháng 11 năm 1835 thì tòa thành đã trở nên hoang phế và rất có thể chỉ còn bảo Tân Châu (nằm tại vị trí chùa Giồng Thành) là còn hoạt động, mãi đến sau năm 1847 thì bảo bị hoang phế. Vào năm 1875 chùa Giồng Thành được xây dựng đơn sơ và sau nhiều lần trùng tu xây dựng, ngày nay chùa Giồng Thành là một ngôi cổ tự nổi tiếng tại Tân Châu và mang trong mình những bí ẩn về một vị trí đồn bảo nổi danh trong lịch sử.

¹⁹ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 4, Nxb. Giáo dục, 2007, trang 430;

²⁰ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 4, Nxb. Giáo dục, 2007, trang 800;



Hình 4. Vị trí các đồn thủ vùng Tân Châu (Tân Châu – Chiến Sai – Hùng Ngự)
Nguồn: Thư viện Quốc gia Pháp

Bảo Chiến Sai: Đây là đồn thủ khi chuyển lên Tân Châu nằm trong địa giới huyện Đông Xuyên, về sau đổi tên là bảo An Lạc. Hiện chưa có thông tin xác định vị trí bảo An Lạc (đồn Chiến Sai mới), theo một số học giả thì bảo đất An Lạc nằm tại Chợ Thủ thuộc xã Long Điền An, huyện Chợ Mới ngày nay. Tuy nhiên chắc chắn thông tin này là chưa chính xác bởi đồn thủ tại vùng Chợ Thủ ngày nay chính là thủ Chiến Sai cũ tồn tại trước năm 1819. Theo Đại Nam nhất thống chí “*Bảo đất An Lạc: Chu vi 80 trượng, cao 4 thước ở địa phận huyện Đông Xuyên, đắp từ năm Thiệu Trị thứ 2. Nguyên là thủ sở đạo Chiến Sai, năm Minh Mệnh thứ 21 đổi tên gọi hiện nay. Xét Nhất thống địa dư chí, thì giữa sông là địa đầu bãi Doanh Châu, có thủ sở chính Tân Châu ở đấy; bờ phía hữu bãi là rạch Đốc Vàng, tức thủ sở đạo Hùng Ngự thuộc địa giới tỉnh Định Tường, cùng với đạo Chiến Sai đều thuộc đạo Tân Châu quản lãnh, cho nên gọi là Tam Đạo, phòng bị kẻ gian, thu thuế buôn bán, thật là địa điểm yết hầu.*”²¹. Chính vì Đại Nam nhất thống chí trích dẫn lại Hoàng Việt nhất thống dư địa chí của Lê Quang Định (1806), phân mô tả vị trí cũ của thủ Chiến Sai tại Doanh Châu, nên mới dẫn đến việc nhầm lẫn về vị trí bảo An Lạc tại vùng Chợ Thủ ngày nay. Một điều chắc chắn rằng, khi dời cả 3 thủ sở lên Tân Châu thì các đồn thủ này phải nằm quanh khu vực Tân Châu để cùng phối hợp bảo vệ sông Tiền. Năm 1830, đổi tên Chiến Sai thành An Lạc, việc đổi tên này theo Đại Nam thực lục cho biết: “*Thành thần Gia Định tâu rằng : "Các thủ Tân Châu, Chiến Sai trấn Vĩnh Thanh, Hùng Ngự trấn Định Tường, ba nơi ấy đều là*

²¹ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, tập 5, Nxb. Thuận Hóa, 2006, trang 220;

chỗ quan yếu, từ trước mỗi thủ đặt một người thủ ngự, lại phải quan to quản binh để điều lĩnh công việc 3 thủ ; vẫn lấy trấn binh của thành đến thủ, đường sá xa cách thay đổi cũng phiền. Xin mộ dân ngoại tịch, lập làm ba đội An Châu nhất, An Châu nhị, An Châu tam lệ theo viên quản lĩnh để phân phái. Lại thủ binh ở 3 thủ ấy cũng thừa ít, cũng hạ lệnh mộ thêm, cho đủ số mỗi thủ 50 người. Vua nghe theo. *Đổi thủ Chiến Sai làm thủ An Lạc.*”²². Từ các thông tin đã có, có thể biết thủ Chiến Sai từ Doanh Châu dời lên vùng Tân Châu năm 1819, đã đắp đồn thủ Chiến Sai có kích thước 15 trượng mỗi cạnh; đến năm 1830 đổi tên Chiến Sai thành An Lạc; đến năm 1842 đắp lại bảo đất An Lạc với kích thước 20 trượng mỗi cạnh. Như vậy bảo An Lạc nằm ở khu vực nào?

Căn cứ vào mô tả của Trịnh Hoài Đức về khu vực cù lao Long Sơn “*Cù lao Long Sơn: Ở thượng lưu Tiền Giang, dài hơn 47 dặm, lồi lủng cạnh khía, hình như đầu rồng, phía đông cách tân thủ đạo Tân Châu 5 dặm rưỡi, cách phía tây trấn 174 dặm rưỡi, có thôn Tân Phú [Lâm] ở đấy. Phía đông có cù lao Tân Du, lại có cù lao Đồ Bà; ở dưới phía đông nữa, dăng hàng chữ nhất mà có lớn nhỏ thứ tự khác nhau. Nơi đây rừng tre xanh rậm, sông nước giao thông, bờ phía tây là thủ sở Tân Châu, bờ phía đông là thủ sở Chiến Sai, bờ phía bắc là thủ sở Hùng Ngự, có địa thế là một hùng quan ngăn chặn chỗ hiểm yếu.*”²³. Kết hợp một mô tả khác cũng của Trịnh Hoài Đức “*Năm Gia Long thứ 17 (1818) phụng chỉ dời đạo Tân Châu đến cù lao Long Sơn, dời đạo Chiến Sai đến trên miệng sông Hiệp Ân, dời đạo Hùng Ngự đến miệng dưới sông Hiệp Ân*”²⁴. Xác định sơ bộ vị trí thủ sở Chiến Sai nằm ở khu vực bờ đông sông Tiền và nằm phía tây sông Hồng Ngự ngày nay. Việc xác định bờ đông hay bờ tây chỉ mang tính tương đối và theo tính chất chung về quy ước theo chiều dòng chảy cho một dòng sông, điều này thể hiện rõ tính ước lệ khi bờ đông sông Tiền chính là bờ Tả và bờ tây sông Hồng Ngự chính là bờ Hữu. Có thể xác định một cách tương đối thì thủ sở Chiến Sai mới nằm bờ đông sông Tiền và đối diện là thủ sở Tân Châu mới nằm bờ đông sông Tiền, rất có thể hai thủ sở này đối diện nhau. Giả thiết này càng được củng cố khi căn cứ vào sách Gia Định-Thung Chi - Histoire et description de la Basse Cochinchine (1864), ở mục chú thích cho vị trí đồn Tân Châu (Tang-châu-dao): “*Ce poste de Tang-châu-dao où Tan châu-tan-dao était, dans le principe, situé sur l'île de Cu-tao-gien. Il fut plus tard transporté auprès de l'île Cai-vung, en face du poste de Kien-sai-tan.*”²⁴; tạm dịch “*Đây là đồn Tân Châu đạo hoặc Tân Châu tân đạo, nguyên nằm trên cù lao Giêng. Sau đó nó được chuyển đến cù lao Cái Vừng, đối diện với đồn Kiến Sai tân*”. Như vậy xác định thủ sở Chiến Sai mới nằm bờ đông sông Tiền tại khu vực Tân Châu và khả năng đối diện với thủ sở Tân Châu mới qua sông Tiền. Điều này được xác quyết một lần nữa khi căn cứ vào Khâm Định Đại Nam hội điển sự lệ “*Năm thứ 4 (1844) nghị, được chuẩn: 2 bảo Tân Châu, An Lạc, vốn đặt ở 2 bờ tả, hữu sông Tiền Giang. Nhưng chiếu theo bảo Tân Châu, ở chỗ tả ngạn dòng thượng lưu chảy rớt thẳng vào, và chỗ hữu hơi cao, đều đặt 1 đồn mới cũng gọi là 2 bảo Tân Châu, An Lạc; rồi cứ lấy số binh nguyên đóng giữ 2 bảo Tân Châu, An*

²² Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 3, Nxb. Giáo dục, 2007, trang 75;

²³ Trịnh Hoài Đức (1820), *Gia Định thành thông chí, Tập Thượng*, Nha Văn hóa, Phủ Quốc vụ khanh phụ trách văn hóa, 1972, trang 99-100;

²⁴ *Gia Định Thung Chi - Histoire et description de la Basse Cochinchine*, Paris - Imprimerie Impériale, 1864, trang 216;

Lạc, liệu trích ra chuyển đem đóng ở 2 bảo mới đặt. Còn 2 bảo đặt trước, vẫn để làm 2 tấn Tân Châu, An Lạc, liệu lưu lại biên binh; cùng với tấn binh phòng thủ ở đấy.”²⁵. Và cũng qua chi tiết này, rất có thể các đồn bảo có xu hướng được chuyển dời ra gần bờ sông Tiền hơn, tuy nhiên đây chỉ là gợi ý mà chưa có sự nghiên cứu nào.

Chính xác hơn căn cứ bản đồ năm 1863, xác định vị trí thủ sở Chiến Sai, mà bản đồ ghi là poste de Kien Sai tan, nằm bên rạch Trà Đur thuộc khu vực thôn Thường Lạc. Vị trí chính xác của đồn Chiến Sai mới (về sau là bảo An Lạc) đến ngày nay hầu như mất dấu vết, có thể phỏng đoán vị trí nằm tại bờ Đông rạch Trà Đur, gần khu vực chợ Trà Đur, ngày nay thuộc phường An Lạc, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. Cần khảo sát chi tiết tại thực địa để xác định chính xác vị trí bảo đất An Lạc trong lịch sử. Để phù hợp với những ghi chép trong Đại Nam nhất thống chí, vị trí bảo đất An Lạc thuộc địa giới huyện Đông Xuyên, tỉnh An Giang, cần kiểm tra vị trí bảo An Lạc tọa lạc thời phong kiến về mặt địa giới. Như đã biết ở phần khảo sát biến đổi địa dư thì đến năm 1852, thôn Thường Lạc vẫn còn thuộc địa giới huyện Đông Xuyên, tỉnh An Giang. Vì vậy có thể khẳng định vị trí bảo đất An Lạc thuộc địa giới huyện Đông Xuyên, tỉnh An Giang trước đây và nó chính là hậu thân của đồn mới Chiến Sai được dời lên từ Doanh Châu trong lịch sử.

Bảo Hùng Ngự: Nằm tại bờ đông sông Hồng Ngự thuộc khu vực thị xã Hồng Ngự ngày nay, tên Hồng Ngự có lẽ gọi trại từ Hùng Ngự, đồn thủ được đặt từ năm 1819. Vị trí đồn Hùng Ngự nằm cửa dưới sông Hiệp Ân mà ngày nay là sông Hồng Ngự, mô tả theo Đại Nam nhất thống chí “*Bảo Hùng Ngự: Ở phía đông rạch Hiệp Ân, cách huyện Kiến Đăng 91 dặm về phía đông, chu vi 36 trượng 2 thước, cao 4 thước mở hai cửa. Năm Thiệu Trị thứ hai đắp bằng đất. Đồi Gia Long, thủ sở của đạo đặt tại rạch Đốc Vạn Thượng và Đốc Vạn Hạ, sau dời đến chỗ hiện nay. Năm Minh Mệnh thứ 18, đặt cửa quan để đánh thuế; năm Tự Đức thứ 1 bỏ.*”²⁶. Theo Trịnh Hoài Đức thì khi dời đạo Hùng Ngự lên cửa dưới sông Hiệp Ân vào năm 1818, chỉ làm nơi tuần tra chưa xây đồn bảo. Rất có thể từ đó đến năm 1837 (Minh Mạng thứ 18) đồn lũy đã được khởi đắp, bởi đây là một đồn bảo quan trọng nằm trong khu vực Tân Châu Tam Đạo bảo vệ sông Tiền. Đến năm 1842 đắp bảo Hùng Ngự bằng đất, có chu vi 36 trượng 2 thước, cao 4 thước và mở hai cửa. Thông tin vào năm 1848 (Tự Đức thứ 1) bảo Hùng Ngự bị triệt bỏ cần xem lại, bởi trong chính sử đến năm 1860 vẫn còn nhắc đến bảo Hùng Ngự trong Đại Nam thực lục “*Tháng 3 nhuận, lúc bảy giờ giặc Cao Miên kéo nhau quấy rối. Vua dụ bọn Tổng đốc là Nguyễn Công Nhân, Tuần phủ là Phan Khắc Thận ở An - Hà rằng: Nay giặc Man hiện đang ra vào quấy rối ở các sở đồn bảo như Tây Ninh, Quang Hóa tỉnh Gia Định; Hùng Ngự, Tuyên Ủy tỉnh Định Tường;*”²⁷. Như vậy có thể phỏng đoán, bảo Hùng Ngự vẫn còn sau thời điểm năm 1848 và sử dụng đến ngày thực dân Pháp đánh chiếm Nam Kỳ. Điều này càng chắc chắn khi căn cứ vào một báo cáo của chỉ huy cấp cao J. Dabiès, đề ngày 3/2/1864 “*Il fera occuper le fort de Thung-Binh par une garnison annamite de vingt hommes tirés du fort de*

²⁵ Nội các triều Nguyễn, *Khâm Định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập 10, Nxb. Thuận Hóa, 1993, trang 407;

²⁶ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, tập 5, Nxb. Thuận Hóa, 2006, trang 125;

²⁷ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 7, Nxb. Giáo dục, 2007, trang 654;

Hung-ngu.”²⁸, tạm dịch “Chỉ huy cấp cao sẽ cho chiếm đồn Thung-Binh bằng một đội quân đồn trú gồm 20 người Việt từ phía đồn Hung-ngu”.

Khảo sát chi tiết vị trí bảo Hùng Ngự tại thị xã Hồng Ngự ngày nay, căn cứ các mô tả của thư tịch cổ và đặc biệt các bản đồ người Pháp vẽ từ năm 1861 trở về sau, có thể hiện vị trí bảo Hùng Ngự với ghi chú trên bản đồ là poste de Hung Ngu, xác định vị trí bảo Hùng Ngự nằm dọc sông Hồng Ngự (mà tên gọi cũ là rạch Hiệp Ân) từ cầu Tân Hội đến cửa ra sông Hồng Ngự trên sông Tiền, phần lớn thể hiện vị trí bảo nằm gần vị trí hợp lưu rạch Sở Hạ và sông Hồng Ngự.



Hình 5. Bản đồ vị trí bảo Hùng Ngự, tỷ lệ 1/106.000 – Năm 1869

Nguồn: Thư viện Quốc gia Pháp

Theo tác giả Đỗ Kim Trường thì vị trí bảo Hùng Ngự “vị trí này có thể từ khu Mekong Resort đến cầu Tân Hội thuộc phường An Thạnh nay. Trong các địa điểm trên trục này, chỉ có thể thủ sở Hùng Ngự xưa, nay là khu Mekong Resort. Bởi lẽ, vị trí này đúng với sử liệu trên ghi chép, vì nó nằm ở bờ dưới vàm sông Hiệp Ân và ở về phía đông của sông trên (tức sông Sở Thượng nay). Trước cổng Mekong Resort là ngã ba hợp lưu giữa sông Sở Thượng với sông Tiền. Đồng thời, nơi đây trước 1975 là Dinh Quận trưởng Hồng Ngự. Trụ sở công quyền này là sự kế thừa thủ sở công quyền Hùng Ngự thời quân chủ. Điều này cũng thấy ở nhiều nơi trên vùng đất Tây Nam Bộ. Với những luận cứ như trên, có thể xác định vị trí bảo Hùng Ngự xưa, nay là địa điểm Mekong Resort thuộc phường An Thạnh, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.”²⁹. Đây là một nhận định cần lưu tâm, tuy nhiên cần khảo sát thêm một vị trí nữa, nằm kề bên vị trí hợp lưu rạch Sở Hạ với sông Hồng Ngự. Điều này thỏa mãn vị trí bảo Hùng Ngự (poste de Hung Ngu) thể hiện trong bản đồ người Pháp thiết lập cho khu vực năm 1869 (Hình 5), vị trí nằm phía đông nam cửa ra rạch Sở Hạ và sông Hồng Ngự, rất có thể đây chính là vị trí đồn Hùng Ngự trong lịch sử được thiết lập năm 1818-1819. Với dấu vết hiện có, khu vực dự kiến bảo Hùng Ngự có lẽ nằm gần ngã ba sông và thuộc địa giới khóm An Thành, phường An Thạnh, thị xã Hồng Ngự ngày nay. Đây là khu vực ứng với vị trí bảo

²⁸ *Explorations et missions de Doudart de Lagrée*, Imprimerie et Librairie de madame Veuve Bouchard-Huzard, 1883, trang 129.

²⁹ Đỗ Kim Trường, *Từ đồn thủ biên giới đến thị xã Hồng Ngự*, Tạp chí Phát triển KH&CN, tập 17, số X3-2014, trang 21-22;

Hùng Ngự trên các bản đồ cùng thời, vừa đảm bảo tính phòng thủ chặt khi bao quanh là các tuyến sông rạch tự nhiên, vừa tránh được các cuộc tấn công trực tiếp từ sông Tiền. Rất có thể về sau, với khả năng tác chiến mạnh nhờ khí tài hiện đại và tiện lợi kiểm soát mặt sông Tiền, người Pháp đã di dời bảo Hùng Ngự ra gần bờ sông tại vị trí Mekong Resort ngày nay. Tuy nhiên đây chỉ là những phỏng đoán nhận định ban đầu về một vị trí đồn bảo mật dấu từ khá lâu trong lịch sử, cần nhiều khảo sát hơn nữa để có kết luận cuối cùng.

Thay lời kết:

Các vị trí đồn thủ tại khu vực Doanh Châu với thời gian triệt bỏ lên đến 200 năm tròn cùng sự thay đổi mạnh mẽ địa dư khu vực đã làm cho dấu vết khá mờ nhạt, tuy nhiên các nhận định vị trí đồn thủ khu vực chủ yếu dựa vào cấu trúc địa dư khu vực được phỏng đoán 200 năm trước và những ghi chép của Lê Quang Định tại thời điểm 1806.

Các vị trí đồn thủ tại Tân Châu, dù không quá rõ ràng nhưng thông qua các tư liệu hiện có, xác định chính xác vị trí bảo Tân Châu và phỏng đoán hai vị trí còn lại. Cần nhiều khảo sát thực địa và điền dã để truy tìm dấu vết các bảo còn tồn nghi như Hùng Ngự, Chiến Sai. Về sau, một số đồn bảo có thể người Pháp triệt bỏ (như bảo An Lạc) và di chuyển đến vị trí mới (như Tân Châu, Hùng Ngự) cần khảo sát chi tiết hơn, ở đây tác giả chưa đề cập đến.

Thành An Giang tại Long Sơn được xây dựng năm 1833 và vì ảnh hưởng của loạn Lê Văn Khôi mà tạm dừng, và dừng hẳn việc xây dựng thời gian sau đó đã thúc đẩy việc xây dựng thành Châu Đốc. Với những dấu vết hiện có thì thành An Giang tại Long Sơn được xây dựng tại vị trí bảo Tân Châu, mà ngày nay là chùa Giồng Thành.

Với những đóng góp của hệ thống đồn bảo Tân Châu Tam Đạo qua hai lần di chuyển từ Doanh Châu lên Tân Châu, các đồn bảo này xứng đáng được vinh danh rõ trong các tư liệu lịch sử của quốc gia và địa phương ngày nay. Hệ thống phòng ngự này đã tham gia chính trong việc bảo vệ an ninh biên giới vùng thượng lưu sông Tiền và cả một phần miền Tây Nam bộ rộng lớn, trải qua một thời gian dài, chính thức từ 1757 đến sau những ngày thực dân Pháp xâm chiếm Nam bộ.

Thông qua kết quả nghiên cứu, tác giả mong muốn đưa lại các vị trí đồn bảo của hệ thống phòng ngự Tân Châu Tam Đạo trong lịch sử đến với mọi người, hiểu rõ những tư duy chiến lược và công sức của tiền nhân để chế ngự thiên nhiên và cả trước các thế lực ngoại bang dòm ngó trong quá khứ. Cần nhiều nghiên cứu hơn nữa để hoàn thiện và đưa lại những hình ảnh về các đồn thủ miền biên viễn Tây Nam bộ trong quá khứ.

Tài liệu tham khảo chính:

1. Lê Quang Định, *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*, NXB Thuận Hóa, 2005;
2. Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí, Tập Thượng, Trung, Hạ*, Nha Văn hóa, Phủ Quốc vụ khanh phụ trách văn hóa, 1972,
3. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 1, tập 6, tập 7, NXB Giáo dục 2007;

4. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, tập 2, NXB Thuận Hóa 2006;
5. Carte générale de la Basse - Cochinchine/dressée par ordre de M. le vice-amiral Bonnard; d'après les travaux exécutés en 1861 et 1862 par MM L. Manen; et G. Héraud,..., năm 1863;
6. Carte topographique [de Cochinchine]/dressée et dessinée par ordre de M. le Général de brigade Faron; par MM. Cullar et de Villebois, năm 1869, tỷ lệ 1/106.000.
7. Bản đồ Sai Gon, Bureau Topographique des Troupes de l'Indochine- Etant Chef de Service: Commandant Lubanski, năm 1899, tỷ lệ 1/500.000;
8. Bản đồ Long Xuyên (Est, Ouest), Carte de l'Indochine No228, năm 1932, tỷ lệ 1/100.000;